

Số: 417 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 08 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Thái Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 3484/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 168/TTr-STNMT ngày 01/4/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Thái Bình (Chi tiết dự án theo phụ lục 1, phụ lục 2 kèm theo).

**Điều 2.** Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình có trách nhiệm:

1. Công bố công khai việc điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Thái Bình theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.



**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.

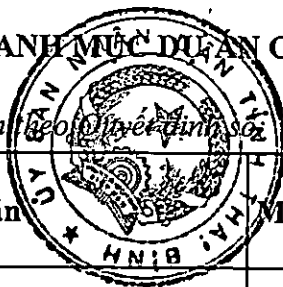


Lại Văn Hoàn



**Phụ lục 2: DANH MỤC DỰ ÁN CẮT GIẢM TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030  
CỦA THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

(Kèm theo Quyết định số **417** /QĐ-UBND ngày **08** /4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



| STT        | Tên dự án  | Mã loại đất | Diện tích quy hoạch/hiện trạng (ha) | Diện tích cắt giảm (ha) | Địa điểm (xã, phường, thị trấn) | Huyện, thành phố |
|------------|--|-------------|-------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|------------------|
| <b>I</b>   | <b>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</b>  |             | <b>86,33</b>                        | <b>0,34</b>             |                                 |                  |
| 1          | Quy hoạch đất xây dựng cơ sở giáo dục trong các phân khu quy hoạch đô thị  | DGD         | 86,33                               | 0,34                    | Các phường, xã                  | Thành phố        |
| <b>II</b>  | <b>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</b>  | <b>SKC</b>  | <b>0,1</b>                          | <b>0,1</b>              |                                 |                  |
| 2          | Khu đất xây dựng cơ sở sản xuất hàng mây tre đan, thủ công mỹ nghệ xuất khẩu của Công ty TNHH TM DV sản xuất xuất nhập khẩu Hiệp Hòa | SKC         | 0,1                                 | 0,1                     | Kỳ Bá                           | Thành phố        |
| <b>III</b> | <b>Đất thương mại dịch vụ</b>  | <b>TMD</b>  | <b>0,24</b>                         | <b>0,24</b>             |                                 |                  |
| 3          | Khu đất xây dựng cơ sở kinh doanh dịch vụ vật lý trị liệu Phú Mỹ 2 của Công ty TNHH TM DV sản xuất xuất nhập khẩu Hiệp Hòa           | TMD         | 0,24                                | 0,24                    | Kỳ Bá                           | Thành phố        |

**Phụ lục 1: DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH VÀ QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030**  
**CỦA THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

(Kèm theo Quyết định số ~~247~~ /QĐ-UBND ngày *08* /4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



| STT        | Tên dự án  |            | Diện tích quy hoạch (ha) | Địa điểm (xã, phường, thị trấn) | Huyện, thành phố | Ghi chú   |
|------------|--|------------|--------------------------|---------------------------------|------------------|---|
| <b>I</b>   | <b>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</b>                        |            | <b>0,34</b>              |                                 |                  |   |
| 1          | Dự án đầu tư xây dựng trường Tiểu học và Trung học cơ sở Marie Curie | DGD        | 0,34                     | Kỳ Bá                           | Thành phố        |   |
| <b>II</b>  | <b>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</b>                            | <b>SKC</b> | <b>0,88</b>              |                                 |                  |   |
| 2          | Quy hoạch mở rộng nhà máy sản xuất Công ty Minh Long                 | SKC        | 0,88                     | Hoàng Diệu                      | Thành phố        | Diện tích đã có theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 0,78 ha; bổ sung thêm 0,1 ha |
| <b>III</b> | <b>Đất thương mại dịch vụ</b>  | <b>TMD</b> | <b>1,24</b>              |                                 |                  |   |
| 3          | Quy hoạch đất thương mại dịch vụ tại thôn Đình Phùng                 | TMD        | 1,24                     | Vũ Đông                         | Thành phố        | Diện tích đã có theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 1,0 ha; bổ sung thêm 0,24 ha |